ÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2045**/2022/QĐST–HNGĐ
Ngày: 28-11-2022

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 509/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 5661/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

1. Ông Trần Quang Đ, sinh năm 1989; thường trú: Thôn 15, xã E, huyện K, tỉnh L; địa chỉ: 172-1 X, Y, 367-0119, Japan. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Cẩm C, sinh năm 1988; thường trú: Thôn A, xã M, huyện S, tỉnh Q; địa chỉ: 694/33/7 Đường N, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 29 tháng 8 năm 2022, bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ kết hôn năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 05/11/2019 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh L cấp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu hạnh phúc về sau thì phát sinh mâu thuẫn nên bà C và ông Đ không sống chung với nhau. Tháng 12/2019 ông Đ trở về

Nhật Bản sinh sống và làm việc, thỉnh thoảng bà C và ông Đ vẫn có liên lạc để cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, mâu thuẫn không giải quyết được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ yêu cầu Tòa án công nhận cho bà C và ông Đ thuận tình ly hôn.

Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ có một con chung là trẻ Trần Hải Đ1, sinh ngày 15/7/2020, giới tính: Nam. Bà C và ông Đ thỏa thuận giao con chung là trẻ Trần Hải Đ1 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông Đ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị: Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ về việc thuận tình ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đây là yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông Trần Quang Đ hiện đang cư trú tại Nhật Bản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ:

Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Xét thấy trong hồ sơ bà C và ông Đ đã cung cấp lời khai, yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu bà C và ông Đ có mặt thì Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên hai đương sự đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ.

[3] Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ kết hôn năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 05/11/2019 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh L cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ xác định sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên bà C và ông Đ không sống chung với nhau. Trong thời gian ông Đ còn ở Việt Nam, bà C và ông Đ đã nhiều lần giải quyết những mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, sau đó ông Đ qua Nhật Bản sinh sống và làm việc. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ tự nguyện thỏa thuận chấm dứt cuộc sống hôn nhân, khả năng đoàn tụ không có; sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; không có tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu này của các đương sự vì mục đích nào khác. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ theo quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ có một con chung là trẻ Trần Hải Đ1, sinh ngày 15/7/2020, giới tính: Nam. Bà C và ông Đ thỏa thuận giao con chung là trẻ Trần Hải Đ1 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; ông Đ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành.

Xét thấy, sự thỏa thuận tự nguyện này của bà C và ông Đ là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận này của bà C và ông Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp như nhận định nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

Về lệ phí: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 372, Điều 396, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 115 ngày 05/11/2019 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh L cấp cho bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án, Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ là giao con chung tên Trần Hải Đ1, sinh ngày 15/7/2020, giới tính: Nam cho bà Trần Thị Cẩm C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Trần Quang Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) bà Trần Thị Cẩm C và ông Trần Quang Đ phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003228 ngày 18/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND.TPHCM;
- Cục THADS.TPHCM;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT. (Linh/14b)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lưu Thị Thủy Tiên

09.11.2022 15:40
Trần Quang Đức